

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 11/2022

A. HỎI ĐÁP

B. CHÍNH SÁCH THUẾ

1. 3 nhóm lao động được hưởng lương bằng 1,8 lần mức lương CBCCVN Nhà nước quy định
2. Mức chi tổ chức bồi thường, tái định cư và cưỡng chế thu hồi đất.
3. Công văn trả lời về thuế

C. CÁC QUY ĐỊNH KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN; QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Các trường hợp đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài.
2. Thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai.
3. Sửa đổi bổ sung quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng bị kiểm soát đặc biệt.
4. Danh mục các lĩnh vực người có chức vụ sau khi thôi chức không được thành lập doanh nghiệp

D. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ
2. Quyết định 2317/QĐ-TCHQ ngày 24/10/2022 của Tổng cục Hải quan.
3. Nghị định 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ.



A. HỎI ĐÁP

1. Kính gửi Bộ tài chính! Chúng tôi có 2 vấn đề xin giải đáp giúp.

- Công ty chúng tôi có phát sinh hợp đồng thi công ctr tại tỉnh Quảng Nam và TP Huế. Tổng giá trị HĐ bao gồm cả thuế là trên 1 tỷ đồng. Đơn vị là nhà thầu phụ không ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư mà ký hợp đồng với nhà thầu chính. Năm 2021 đã xuất 2 lần hóa đơn như vậy cty phải nộp tờ khai thuế GTGT theo mẫu 05/GTGT và nộp 2% thuế GTGT/ DT về chi cục thuế nơi ctrinh đang thi công đúng không? và theo tt80/2021 có hiệu lực từ 1/1/2022 thì cty/ đơn vị không ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư thì không phải nộp tờ khai mẫu 05/GTGT và nộp tiền cho chi cục thuế nơi có ctr thi công nữa đúng không ?

- Cũng theo thông tư, NĐ 15/2022/NĐ-CP có hiệu lực từ 1/2/2022, việc áp dụng thuế suất GTGT 10% hay 8%, cty cũng có một số vướng mắc: Trong tháng 2/22 cty có thanh lý xe máy công trình như xe Lu, xe đào thì xuất hóa đơn thuế suất là 10% hay 8%. Hiện cty cũng chưa xác định được thuế suất của mặt hàng này?. Xin chân thành cảm ơn!

Về vấn đề này, Chi cục Thuế quận Hải Châu có ý kiến như sau:

1.Về việc kê khai thuế đối với hoạt động xây dựng ngoại tỉnh:

Căn cứ quy định tại điểm a, điểm e khoản 1 Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT- BTC ngày 27/07/2015 của Bộ Tài chính.

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Căn cứ quy định khoản 3 Điều 13 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

2. Về việc áp dụng giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

Căn cứ hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội.

Căn cứ các quy định nêu trên:

Trường hợp Công ty của độc giả hoạt động lĩnh vực xây dựng có trụ sở tại thành phố Đà Nẵng, trong năm 2021 Công ty ký hợp đồng thi công công trình tại tỉnh Quảng Nam và thành phố Huế, Công ty là nhà thầu phụ không ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư thì Công ty (nhà thầu phụ) là trường hợp không thành lập đơn vị trực thuộc tại nơi thi công thì phải thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT vắng lai tạm tính trên doanh thu chưa có thuế GTGT theo quy định tại điểm a, điểm khoản 1 Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC. Trong năm 2022 thì phải thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT ngoại tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và điểm c, khoản 3 Điều 13 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Trường hợp giảm thuế GTGT theo quy định của Nghị định số 15/2022/NĐ- CP thì Công ty của độc giả đối chiếu hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sản xuất, kinh doanh với nhóm hàng hóa, dịch vụ loại trừ không được giảm thuế tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP và Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế tại Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP để thực hiện đúng quy định.



2. Kính gửi Bộ Tài chính - Tổng cục Thuế. Công ty chúng tôi có một vướng mắc xin được giải đáp như sau:

Theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 có quy định miễn giảm thuế GTGT đối với các dịch vụ hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng thuế suất 10% trừ một số hàng hóa dịch vụ như kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn. Công ty chúng tôi mua nguyên liệu đồng, hạt nhựa... để sản xuất ra sản phẩm dây và cáp điện (có vỏ cách điện). Tôi tra mã sản phẩm dây và cáp điện trên Quyết định 43/2018/QĐ-TTg thuộc mã 27320, không có trên Phụ lục I, II, III của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP. Vậy chúng tôi xuất hóa đơn với thuế suất GTGT 8% cho sản phẩm dây và cáp điện có đúng hay không?

Tôi đã đọc rất nhiều phản hồi từ các chi cục thuế cho các doanh nghiệp, nhưng đều là các câu trả lời chung chung, trích dẫn từ Nghị định thay vì việc trả lời chính xác cho doanh nghiệp nên Công ty tôi thực sự rất lúng túng trong việc áp dụng chính sách của nhà nước. Vậy tôi rất mong Quý Bộ Tài chính phản hồi lại câu hỏi của tôi trong thời gian sớm để tôi lấy cơ sở hoạt động chính xác. Tôi xin chân thành cảm ơn!

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.

Căn cứ Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính

Căn cứ các quy định nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty của Độc giả cung cấp dịch vụ bảo vệ (đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10%) không thuộc Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ thì được áp dụng giảm thuế GTGT từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022 theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với dịch vụ hoàn thành trước ngày 01/02/2022 thì không được áp dụng giảm thuế GTGT.

3. Kính chào Quý Bộ!

Công ty chúng tôi là Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Quang CCCP, MST: 0108945568, địa chỉ tại: Số 578 A, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Chúng tôi xin có hỏi như sau: Chúng tôi đã được kiểm tra trước và hoàn thuế kỳ hoàn từ tháng 01/2021 đến tháng 09/2021 tại ngày 15/11/2021. Tại thời điểm kê khai kỳ thuế tháng 10/2021 doanh nghiệp phát hiện kê khai sót 03 hóa đơn mua vào và phát hành ngày 29/09/2021. Hóa đơn bán ra và hồ sơ xuất khẩu thông quan của 03 hóa đơn mua vào này đều phát sinh trong tháng 10/2021. Doanh nghiệp đã kê khai 03 hóa đơn mua vào này trong tờ khai thuế GTGT tháng 10/2021 ngày 20/11/2021. Vậy, 03 hóa đơn mua vào ngày 29/09/2021 doanh nghiệp có được khấu trừ và hoàn thuế vào kỳ tháng 10/2021 hay không? Kính mong Quý Bộ trả lời và hướng dẫn sớm về trường hợp của doanh nghiệp chúng tôi. Xin trân trọng cảm ơn!

Căn cứ Khoản 6, Điều 1, Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng

Căn cứ Khoản 8, Điều 14, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Căn cứ Điều 47, Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/9/2019 của Quốc hội quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế

Căn cứ quy định tại Khoản 4, Điều 7, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế

Căn cứ các quy định trên Chi cục Thuế quận Long Biên trả lời về mặt nguyên tắc như sau:

Trường hợp Công Ty TNHH xuất nhập khẩu Quang CCCP đã được kiểm tra trước và hoàn thuế kỳ hoàn từ tháng 01/2021 đến tháng 9/2021 tại ngày 15/11/2021. Tại thời điểm kê khai kỳ tính thuế tháng 10/2021 Công ty phát hiện 03 hóa đơn mua vào của kỳ tính thuế tháng 9/2021 bị bỏ sót chưa kê khai thì Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 47 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/9/2019 của Quốc hội.

4. Xin hỏi: Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hoá đơn là 2 năm quy định tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 có được tính đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc tại các năm trước như năm 2021 và 2020 hay không? Ví dụ: hành vi xuất hoá đơn không ngày 01/01/2021 đến nay 25/9/2022 còn bị xử phạt vi phạm hành chính về hoá đơn hay không?

- Căn cứ Điều 4, Điều 8 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

- Căn cứ Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thuế, Hóa đơn; ...;

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Thời điểm tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn:

Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP thì thời hiệu được tính từ ngày người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm.

Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP thì thời hiệu được tính từ ngày chấm dứt hành vi vi phạm. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày thực hiện hành vi vi phạm đó.

Trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn đã được ban hành trước thời điểm Nghị định số 102/2021/NĐ-CP có hiệu lực thì hành vi mà sau thời điểm có hiệu lực của Nghị định số 102/2021/NĐ-CP, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì được giải quyết theo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Trường hợp hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn xảy ra trước ngày Nghị định số 102/2021/NĐ-CP có hiệu lực thì hành vi mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết để xử phạt vi phạm hành chính thì áp dụng các quy định về xử phạt quy định tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP và có thời hiệu xử phạt là 02 năm nếu Nghị định số 102/2021/NĐ-CP không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn cho cá nhân, tổ chức vi phạm theo quy định tại Khoản 1 Điều 1, Điều 7 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP.

Theo ví dụ của Độc giả đưa ra: Hành vi xuất hóa đơn không là hành vi thuộc điểm b Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP quy định về hành vi sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp; sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ có ngày xuất hóa đơn là ngày 01/01/2021, nếu hành vi vi phạm này thuộc điểm d Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn, chưa có quyết định xử phạt vi phạm hành chính ban hành trước thời điểm Nghị định số 102/2021/NĐ-CP có hiệu lực thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn đối hành vi xuất hóa đơn không được tính từ ngày 01/01/2021 và có thời hiệu xử phạt là 02 năm nếu Nghị định số 102/2021/NĐ-CP không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn cho cá nhân, tổ chức vi phạm theo quy định tại Khoản 1 Điều 1, Điều 7 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP.



5. Hiện công ty tôi đang làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuê trả tiền một lần do Hợp tác xã đang quản lý, sử dụng.

Thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với hình thức là thuê đất trả tiền một lần và được giảm 50% tiền thuê đất cho cả thời gian thuê (theo Điểm a Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

Tôi muốn hỏi, trong trường hợp công ty tôi (công ty cổ phần, không có yếu tố nước ngoài) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuê nói trên của hợp tác xã thì có tiếp tục được giảm 50% tiền thuê đất nói trên không hay phải nộp đủ tiền thuê đất?

- Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Căn cứ Khoản 7 Điều 12 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Căn cứ Điểm 10 Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ;

Trường hợp Công ty cổ phần nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuê đã trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của Hợp tác xã (Hợp tác xã đã được giảm 50% tiền thuê đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ) thì nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất, việc giảm tiền thuê đất đối với Công ty cổ phần được xác định như sau;

- Công ty cổ phần không được hưởng ưu đãi về giảm 50% tiền thuê đất quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP do không thuộc đối tượng giảm tiền thuê đất.

- Về việc xác định nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất đối với doanh nghiệp nhận chuyển nhượng: Đề nghị Cục Thuế thành phố Hải Phòng phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng căn cứ vào hồ sơ cụ thể và quy định của pháp luật tại thời điểm có quyết định cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp nhận chuyển nhượng để xác định nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất theo đúng quy định của Pháp luật

6. Kính gửi Tổng Cục Thuế.

Ngày 28/01/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022, sẽ áp dụng giảm 2% thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%). Bên đơn vị chúng tôi hiện đang áp dụng mức thuế suất 8% theo NĐ 15/2022/NĐ-CP đối với "Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt", như vậy cho tôi hỏi Tổng Cục Thuế có hướng áp dụng mức thuế suất như thế nào trong năm 2023 tới đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đã được hưởng chính sách thuế nói trên không ạ?

Trân trọng cảm ơn!

Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội:

"Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Điều 1 Nghị định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022."

Căn cứ quy định trên, cho đến nay Chính Phủ chưa có văn bản mới về chính sách áp dụng miễn, giảm mức thuế suất thuế GTGT cho năm 2023.



B. CHÍNH SÁCH THUẾ

1. 3 nhóm lao động được hưởng lương bằng 1,8 lần mức lương CBCCVC Nhà nước quy định
2. Mức chi tổ chức bồi thường, tái định cư và cưỡng chế thu hồi đất.
3. Công văn trả lời về thuế

1. 3 nhóm lao động được hưởng lương bằng 1,8 lần mức lương CBCVC Nhà nước quy định

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái ký Quyết định số 19/2022/QĐ-TTg ngày 22/9/2022 quy định về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế giai đoạn 2022-2024.

Quyết định quy định mức chi tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong cơ quan bảo hiểm xã hội bằng 1,8 lần mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định được áp dụng đối với các đối tượng sau đây trong chỉ tiêu biên chế hoặc vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong tổ chức Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân;
- Người lao động thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp của ngành lao động - thương binh và xã hội.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/11/2022 và được áp dụng cho các năm tài chính từ năm 2022 đến hết năm 2024.

2. Mức chi tổ chức bồi thường, tái định cư và cưỡng chế thu hồi đất.

Có hiệu lực từ ngày 20/11/2022, Thông tư 61/2022/TT-BTC sẽ hướng dẫn cụ thể việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Theo Điều 3 Thông tư 61, mức trích kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm được quy định như sau:

- (1) Các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn: Mức kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm (nếu có) được căn cứ trên cơ sở khối lượng công việc thực tế theo dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- (2) Dự án, tiểu dự án không thuộc trường hợp (1) mà không phải thực hiện cưỡng chế kiểm đếm: Mức kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không quá 2% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- (3) Dự án, tiểu dự án không thuộc trường hợp (1) mà phải thực hiện cưỡng chế kiểm đếm:
 - Mức kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (chưa bao gồm kinh phí tổ chức cưỡng chế kiểm đếm) không quá 2% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án;
 - Mức kinh phí tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm được căn cứ trên cơ sở khối lượng công việc thực tế theo dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- (4) Dự án, tiểu dự án phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất: Mức kinh phí tổ chức cưỡng chế thu hồi đất được căn cứ trên cơ sở khối lượng công việc thực tế theo dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

**3. Công văn số 3787/TCT-KK
ngày 13/10/2022 về hoàn trả
tiền thuế nộp thừa và tiền lãi**

Theo đó, trường hợp Công ty đã nộp đủ tiền thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp theo Quyết định của Cục Thuế về việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế (bao gồm cả tiền chậm nộp so với thời hạn quy định trong quyết định xử lý), sau đó được Tòa án công nhận việc khiếu kiện Quyết định nêu trên là đúng thì người nộp thuế được hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.

Trường hợp Công ty có văn bản đề nghị Cục Thuế trả tiền lãi tính trên số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa có liên quan thì Cục thuế trả tiền lãi theo mức 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa. Nguồn tiền trả lãi được chi trả từ ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

**4. Công văn số 3863/TCT-CS
ngày 19/10/2022 về chính sách
tiền thuế đất.**

Theo Tổng Cục thuế, trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc địa bàn, lĩnh vực ưu đãi đầu tư, đã được UBND tỉnh ban hành quyết định miễn tiền thuê đất. Tuy nhiên doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện ưu đãi đầu tư và UBND tỉnh đã thu hồi các quyết định miễn tiền thuê đất thì doanh nghiệp phải hoàn trả NSNN số tiền thuê đất đã được miễn, giảm và tiền chậm nộp trên số tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định tại khoản 7 điều 18 Nghị định 46/2014/NĐ-CP và khoản 6 điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ.

**5. Công văn số 3845/TCT-KK
ngày 18/10/2022 về hoàn thuế
GTGT dự án ODA**

Theo Tổng Cục thuế, trường hợp văn phòng đại diện là đối tượng được hoàn thuế GTGT theo trường hợp hoàn thuế cho tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc giao quản lý, thực hiện chương trình, dự án ODA thì thời điểm hoàn thuế của Dự án kể từ khi Văn kiện dự án được phê duyệt, có hiệu lực và các chi phí thuộc Dự án nhưng nằm ngoài Văn kiện dự án không được hoàn thuế GTGT.

**6. Công văn số 3580/TCT-KK
ngày 27/09/2022 về việc khai
bổ sung tăng chỉ tiêu đề nghị
hoàn trên tờ khai thuế GTGT**

Theo Tổng Cục thuế, trường hợp người nộp thuế đã nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế nhưng không được chấp thuận (có thông báo không chấp thuận của cơ quan thuế) do chưa kê khai số thuế GTGT đề nghị hoàn (chỉ tiêu 30) trên tờ khai thuế GTGT quý 2/2022 và cũng chưa nộp hồ sơ khai thuế GTGT quý 3/2022 đến cơ quan thuế thì người nộp thuế được kê khai bổ sung tăng số thuế GTGT đề nghị hoàn trên tờ khai thuế GTGT mẫu số 02/GTGT quý 2/2022 theo quy định.



C. QUY ĐỊNH VỀ KẾ - KIỂM TOÁN, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Các trường hợp đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài.
2. Thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai.
3. Sửa đổi bổ sung quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng bị kiểm soát đặc biệt.
4. Danh mục các lĩnh vực người có chức vụ sau khi thôi chức không được thành lập doanh nghiệp





1. Các trường hợp đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài.

NHNN Việt Nam ban hành Thông tư 12/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

Theo đó, bên đi vay phải đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài với NHNN nếu thay đổi bất kỳ nội dung nào liên quan đến khoản vay được nêu tại văn bản xác nhận đăng ký, văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của NHNN, trừ trường hợp:

- Thay đổi thời gian rút vốn, trả nợ gốc trong vòng 10 ngày làm việc so với kế hoạch đã được NHNN xác nhận;
- Thay đổi địa chỉ của bên đi vay nhưng không thay đổi tỉnh, thành phố nơi bên đi vay đặt trụ sở chính;
- Thay đổi bên cho vay, các thông tin liên quan về bên cho vay trong khoản vay hợp vốn có chỉ định đại diện các bên cho vay, trừ trường hợp bên cho vay đồng thời là đại diện các bên cho vay và việc thay đổi đó làm thay đổi vai trò đại diện các bên cho vay;
- Thay đổi tên giao dịch thương mại của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản, ngân hàng phục vụ giao dịch bảo đảm;
- Thay đổi kế hoạch trả lãi, phí của khoản vay so với kế hoạch đã được NHNN xác nhận nhưng không thay đổi cách xác định lãi, phù quy định tại thỏa thuận vay.
- Thay đổi số tiền rút vốn, trả nợ gốc, lãi, phí trong phạm vi 100 đơn vị tiền tệ của đồng tiền vay nước ngoài so với số tiền đã đăng ký.
- Thay đổi số tiền rút vốn, trả nợ gốc thực tế của một kỳ cụ thể ít hơn số tiền được nêu tại kế hoạch rút vốn, trả nợ.

Thông tư 12/2022/TT-NHNN có hiệu lực kể từ ngày 15/11/2022 và thay thế Thông tư 03/2016/TT-NHNN , Thông tư 05/2016/TT-NHNN , Thông tư 05/2017/TT-NHNN .

2. Thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai.

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 quy định về bảo lãnh ngân hàng.

Theo đó, thời hạn hiệu lực và nội dung của hợp đồng bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai (gọi tắt là Hợp đồng) như sau:

Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm ký cho đến khi nghĩa vụ bảo lãnh của toàn bộ các thư bảo lãnh cho bên mua hết hiệu lực theo Điều 23 Thông tư 11/2022/TT-NHNN .

Đồng thời, mọi nghĩa vụ của chủ đầu tư (CĐT) đối với ngân hàng thương mại (NHTM) theo Hợp đồng đã hoàn thành;

Ngoài các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư 11/2022/TT-NHNN (trừ nội dung tại điểm h và điểm i trong trường hợp bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng), Hợp đồng còn phải có các nội dung sau:

- NHTM có nghĩa vụ phát hành thư bảo lãnh cho bên mua khi nhận được hợp đồng mua, thuê mua nhà ở do CĐT gửi đến trước thời hạn giao, nhận nhà theo cam kết quy định tại hợp đồng mua, thuê mua nhà ở;
- NHTM và CĐT thỏa thuận cụ thể về việc NHTM hoặc CĐT có nghĩa vụ gửi thư bảo lãnh cho bên mua sau khi NHTM phát hành thư bảo lãnh;
- Nghĩa vụ tài chính của CĐT;
- Hồ sơ bên mua gửi cho NHTM yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phải kèm theo thư bảo lãnh do NHTM phát hành cho bên mua.

Thông tư 11/2022/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 01/4/2023, thay thế Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 và Thông tư 13/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017.

3. Sửa đổi bổ sung quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng bị kiểm soát đặc biệt.

Ngày 28/10/2022, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư 13/2022/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 08/2021/TT-NHNN quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

Theo đó, sửa đổi quy định về tài sản bảo đảm đối với khoản cho vay đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định.

Đơn cử, trường hợp khoản vay đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư 08/2021/TT-NHNN, bên đi vay phải sử dụng tài sản bảo đảm theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Cầm cố:

Tín phiếu NHNN, trái phiếu Chính phủ (gồm: tín phiếu Kho bạc, trái phiếu Kho bạc, trái phiếu công trình Trung ương, công trái xây dựng Tổ quốc, trái phiếu Chính phủ do Ngân hàng Phát triển Việt Nam (trước đây là Quỹ Hỗ trợ phát triển) được Thủ tướng chỉ định phát hành), trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán 100% giá trị gốc, lãi khi đến hạn, trái phiếu Chính quyền địa phương trong Danh mục giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của NHNN;

- Cầm cố trái phiếu được phát hành bởi ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (trừ các ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc);

- Cầm cố trái phiếu được phát hành bởi tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt (trừ ngân hàng thương mại quy định tại điểm b Khoản này) và doanh nghiệp khác;

(So với hiện hành bỏ quy định: Thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ khoản cho vay của bên đi vay đối với khách hàng (trừ tổ chức tín dụng)).

Thông tư 13/2022/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 28/10/2022.



4. Danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính.

Ngày 03 tháng 10 năm 2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 60/2022/TT-BTC quy định danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2022. Trong đó có các nội dung chính sau:

Danh mục các lĩnh vực người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ

Các lĩnh vực người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ bao gồm:

1. Quản lý nhà nước về kế toán, kiểm toán.
2. Quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Quản lý nhà nước về bảo hiểm.
4. Quản lý nhà nước về hải quan.
5. Quản lý nhà nước về giá.
6. Quản lý nhà nước về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước.



- 4. Danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính.**
7. Quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp và quản lý vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp.
8. Quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia.
9. Quản lý vay nợ, trả nợ trong nước, ngoài nước của Chính phủ, nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia và nguồn viện trợ quốc tế cho Việt Nam và nguồn cho vay, viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài.
10. Quản lý nhà nước về ngân sách nhà nước.
11. Quản lý nhà nước về tài sản công.

Thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ

1. Trong thời hạn đủ 24 tháng kể từ ngày thôi giữ chức vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, người có chức vụ, quyền hạn công tác trong các lĩnh vực quy định tại các mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 trên không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý.
2. Trong thời hạn đủ 12 tháng kể từ ngày thôi giữ chức vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, người có chức vụ, quyền hạn công tác trong các lĩnh vực quy định tại mục 10 và 11 trên không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý.



D. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ
2. Quyết định 2317/QĐ-TCHQ ngày 24/10/2022 của Tổng cục Hải quan.
3. Nghị định 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ.



1/ Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ.

Ngày 30-10-2022, Chính phủ ban hành Nghị định 91/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP, ngày 19-10-2020 hướng dẫn Luật Quản lý thuế

Theo đó, những điểm mới quy định tại NĐ 91/2022/NĐ-CP cần lưu ý gồm:

1. Bổ sung trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế

Nghị định 91/2022/NĐ-CP đã bổ sung trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế là: Người khai thuế thu nhập cá nhân là tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc trường hợp khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng, quý mà trong tháng, quý đó không phát sinh việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của đối tượng nhận thu nhập.

2. Bổ sung quy định kết thúc thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế

Cụ thể, Nghị định 91/2022/NĐ-CP đã bổ sung Điều 6a Nghị định 126/2020/NĐ-CP, quy định kết thúc thời hạn về thuế như sau:

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định này.

Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.

3. Số thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tạm nộp 4 quý không được thấp hơn 80% của năm

* Quy định trước đây là tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 3 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 3 quý đầu năm thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý III đến ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách Nhà nước.

* Nay, Nghị định 91/2022/NĐ-CP đã sửa đổi quy định tại điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP như sau:

Thuế TNDN (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng vốn của nhà thầu nước ngoài, thuế thu nhập doanh nghiệp kê khai theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu theo từng lần phát sinh hoặc theo tháng theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này)

1/ Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ.

Người nộp thuế phải tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính) và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.

Người nộp thuế thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào báo cáo tài chính quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Người nộp thuế không thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 4 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý IV đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách Nhà nước.

Người nộp thuế có thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ phù hợp với quy định của pháp luật thì thực hiện tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu được. Trường hợp chưa bàn giao cơ sở hạ tầng, nhà và chưa tính vào doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm thì người nộp thuế không tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm mà tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp khi bàn giao bất động sản đối với từng phần hoặc toàn bộ dự án.

4. Sửa đổi quy định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

* Quy định trước đây: Tổng số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp của 3 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số phải tạm nộp 3 quý đầu năm thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ quý III đến ngày nộp số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ còn thiếu vào ngân sách Nhà nước.

* Nay, theo Nghị định 91/2022/NĐ-CP, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Cụ thể như sau:

1/ Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ.

Người nộp thuế phải tự xác định số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tạm nộp quý chậm nhất vào ngày 30 của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ nộp và được trừ số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán năm.

Tổng số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Đối với số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp tăng thêm khi thực hiện khai bổ sung do điều chỉnh kết quả xếp loại doanh nghiệp theo công bố của chủ sở hữu từ thời điểm ngày tiếp sau ngày cuối cùng của hạn nộp lợi nhuận sau thuế còn lại theo quyết toán năm đến thời hạn công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp của chủ sở hữu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền thì doanh nghiệp không phải nộp tiền chậm nộp.

Người đại diện phần vốn của DN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có vốn góp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có trách nhiệm biểu quyết chi trả cổ tức, lợi nhuận khi có đủ các điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đồng thời đề nghị, đồng đốc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nộp phần cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn góp của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Như vậy, Nghị định 91/2022/NĐ-CP đã quy định tăng tỷ lệ yêu cầu tạm nộp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ 75% tính cho 3 quý đầu năm lên thành 80% tính cho 4 quý trong năm.

5. Số thuế TNDN tạm nộp 04 quý của hãng vận tải nước ngoài không được thấp hơn 80% của năm.

Quy định trước đây, thuế thu nhập doanh nghiệp của hãng vận tải nước ngoài tạm nộp quý và khai quyết toán năm. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 3 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 3 quý đầu năm thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 3 đến ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách Nhà nước.

* Nay, NĐ 91/2022/NĐ-CP quy định thuế thu nhập doanh nghiệp của hãng vận tải nước ngoài tạm nộp quý và khai quyết toán năm. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 4 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm.

1/ Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ.

Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 4 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý IV đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách Nhà nước.

6. Sửa đổi quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế bảo vệ môi trường đối với than khai thác và tiêu thụ nội địa.

Cụ thể, theo Nghị định 91/2022/NĐ-CP, doanh nghiệp có hoạt động khai thác và tiêu thụ than nội địa thông qua hình thức quản lý và giao cho các công ty con hoặc đơn vị phụ thuộc khai thác, chế biến và tiêu thụ thì đơn vị thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ than thực hiện khai thuế cho toàn bộ số thuế bảo vệ môi trường phát sinh đối với than khai thác thuộc diện chịu thuế và nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp kèm theo bảng xác định số thuế phải nộp cho từng địa phương nơi có công ty khai thác than đóng trụ sở theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7. Chủ sở hữu sàn thương mại điện tử phải khai báo với cơ quan thuế thông tin của người bán hàng.

Theo khoản 7 Điều 1 Nghị định 91/2022/NĐ-CP, tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo quy định cho cơ quan thuế thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử bao gồm:

- + Tên người bán hàng
- + Mã số thuế hoặc số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu, địa chỉ, số điện thoại liên lạc
- + Doanh thu bán hàng thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn.

Việc cung cấp thông tin được thực hiện định kỳ hằng quý chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau, bằng phương thức điện tử, qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo định dạng dữ liệu do Tổng cục Thuế công bố.

8. Thay thế mẫu thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn.

Thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn theo Mẫu số 04-1/CC ban hành kèm theo Nghị định 91/2022/NĐ-CP thay thế Mẫu số 04-1/CC tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

1/ Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ.**9. Bổ sung mẫu văn bản đề nghị điều chỉnh giảm tiền chậm nộp**

Theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định 91/2022/NĐ-CP, tính đến ngày 30-10-2022 người nộp thuế có số thuế tạm nộp 3 quý đầu kỳ tính thuế năm 2021 thấp hơn 75% số phải nộp theo quyết toán năm, thì được áp dụng tỷ lệ tạm nộp 04 quý quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định này nếu không tăng thêm số tiền chậm nộp.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra đã tính tiền chậm nộp theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm g khoản 6 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP và khi áp dụng quy định tỷ lệ tạm nộp 04 quý tại khoản 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định này được giảm số tiền chậm nộp thì người nộp thuế có văn bản đề nghị điều chỉnh giảm tiền chậm nộp theo Mẫu số 01/GTC gửi cơ quan thuế nơi phát sinh tiền chậm nộp (là cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế có hoạt động được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp).

Sau khi điều chỉnh giảm mà có số tiền chậm nộp nộp thừa thì thực hiện theo quy định tại Điều 60 và Chương VIII Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

10. Hiệu lực thi hành và xử lý chuyển tiếp:

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành (30-10-2022). Quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định 91/2022/NĐ-CP (về thuế TNDN) được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2021, như sau:

- Tính đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành người nộp thuế có số thuế tạm nộp 3 quý đầu kỳ tính thuế năm 2021 không thấp hơn 75% số phải nộp theo quyết toán năm, thì không áp dụng quy định tỷ lệ tạm nộp 4 quý tại khoản 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định 91/2022/NĐ-CP .
- Tính đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, người nộp thuế có số thuế tạm nộp 3 quý đầu kỳ tính thuế năm 2021 thấp hơn 75% số phải nộp theo quyết toán năm, thì được áp dụng tỷ lệ tạm nộp 4 quý quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định 91/2022/NĐ-CP nếu không tăng thêm số tiền chậm nộp.

2/ Quyết định số 2317/QĐ-TCHQ ngày 24/10/2022 của Tổng cục Hải quan.

Ngày 24/10/2022, Tổng cục Hải quan ban hành Quyết định số 2317/QĐ-TCHQ về việc ban hành Quy trình quản lý nợ thuế và khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, cụ thể:

Theo Điều 9 Quy trình này, doanh nghiệp xuất, nhập khẩu sẽ bị Hải quan cưỡng chế nợ thuế trong các trường hợp:

- Có tiền thuế nợ quá 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp;
- Có tiền thuế nợ khi hết thời hạn gia hạn nộp thuế;
- Có tiền thuế nợ và có hành vi phát tán tài sản hoặc bỏ trốn;
- Không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm về thuế theo thời hạn ghi trên quyết định xử phạt, trừ TH được hoãn hoặc tạm đình chỉ thi hành.

Biện pháp cưỡng chế nợ thuế sẽ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau: doanh nghiệp đã nộp đủ nợ thuế, tiền chậm nộp (nếu có); doanh nghiệp được phép nộp dần nợ thuế; doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế; số tiền chậm nộp đang bị cưỡng chế được xét miễn.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/10/2022.

3/ Nghị định 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ.

Chính phủ ban hành Nghị định 86/2022/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong đó, cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm:

- | | |
|--|---|
| - Vụ Giáo dục Mầm non. | - Vụ Cơ sở vật chất. (Hiện hành là Cục Cơ sở vật chất). |
| - Vụ Giáo dục Tiểu học. | - Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. |
| - Vụ Giáo dục Trung học. | - Vụ Pháp chế. |
| - Vụ Giáo dục Đại học. | - Văn phòng. |
| - Vụ Giáo dục thể chất. | - Thanh tra. |
| - Vụ Giáo dục dân tộc. | - Cục Quản lý chất lượng. |
| - Vụ Giáo dục thường xuyên. | - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục. |
| - Vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh. | - Cục Công nghệ thông tin. |
| - Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên. | - Cục Hợp tác quốc tế. |
| - Vụ Tổ chức cán bộ. | - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. |
| - Vụ Kế hoạch - Tài chính. | - Báo Giáo dục và Thời đại. |
| | - Tạp chí Giáo dục. |

(So với hiện hành, cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo giảm 3 đơn vị gồm: Trường Cán bộ quản lý giáo dục thành phố Hồ Chí Minh; Học viện Quản lý giáo dục; Vụ Thi đua - Khen thưởng).



CPAVIETNAM



Trụ sở chính

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building, 235
Nguyễn Trãi, Q. Thanh
Xuân, TP. Hà Nội.

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122



VP. Đại diện

Tầng 16, Tòa nhà T01-
C37 Bắc Hà, đường Tố
Hữu, Q.Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội.

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368



CN. Miền Nam

Tầng 4, Tòa nhà
Hoàng Anh Safomec,
7/1 Thành Thái, P.14,
Q.10, TP. Hồ Chí
Minh.

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959



CN. Miền Bắc

Số 97 Trần Quốc Toản,
phường Trần Hưng
Đạo, quận Hoàn
Kiếm, TP. Hà Nội.

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269